

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP TIẾP TỤC PHÁT HUY HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TIỂU HỌC ĐỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

• Nguyễn Văn Bản^(*)

Tóm tắt

Đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học của Trường Đại học Đồng Tháp mười lăm năm qua đã đóng góp tích cực phát triển đội ngũ giáo viên cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các địa phương khác. Từ những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, bài báo đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy hiệu quả đào tạo giáo viên tiểu học đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông sau năm 2018.

Từ khoá: Ngành đào tạo, giáo viên tiểu học, chương trình đào tạo, giáo dục.

1. Đặt vấn đề

Qua 15 năm (2003 - 2018), đào tạo giáo viên tiểu học (GVTH) trình độ đại học của Trường Đại học Đồng Tháp không ngừng phát triển. Nhà trường đã đào tạo 10 khoá sinh viên (SV) tốt nghiệp ra trường, cung cấp cho ngành giáo dục các địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long và nhiều địa phương khác trong cả nước hàng ngàn GVTH.

Trước yêu cầu phát triển đất nước trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, Nghị quyết số 29 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI tại kỳ họp lần thứ VIII về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định mục tiêu cơ bản mà giáo dục phổ thông phải đạt được là “Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời...” [1].

Đối với cấp tiểu học, mục tiêu của chương trình giáo dục cũng đã xác định: "Chương trình giáo dục cấp tiểu học nhằm chuẩn bị cho học sinh cơ sở ban đầu của việc hình thành và phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực được nêu trong mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông; định hướng chính vào giá trị gia đình, dòng tộc, quê hương, những thói quen cần thiết trong học tập và sinh hoạt; có được những

kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất để tiếp tục học trung học cơ sở" [2].

Để thực hiện có kết quả và hiệu quả các mục tiêu trên và nâng cao chất lượng giáo dục, đội ngũ giáo viên là người quyết định. Do vậy, đổi mới giáo dục phổ thông phải bắt đầu từ việc nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên.

Phát huy thành tựu đào tạo GVTH trình độ đại học của những năm qua, cần đánh giá đúng thực trạng để từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng đào tạo GVTH đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông sau năm 2018.

2. Thực trạng đào tạo GVTH trình độ đại học của Trường Đại học Đồng Tháp giai đoạn qua

Hoạt động đào tạo GVTH trình độ đại học của Trường Đại học Đồng Tháp trong những năm qua có nhiều điểm mạnh.

Thứ nhất, ngay từ sau ngày thành lập Trường, ngành đào tạo GVTH là một trong năm ngành học đầu tiên tuyển sinh đào tạo giáo viên trình độ đại học. Khoá đào tạo đầu tiên của Trường chỉ tuyển 29 SV thể hiện tâm huyết của thầy trò khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non (GDTH-MN) và lãnh đạo Nhà trường, đánh dấu bước phát triển mới trong đào tạo giáo viên của Trường Đại học Đồng Tháp. Hai mươi chín SV được đào tạo đã tốt nghiệp loại khá, giỏi và xuất sắc góp phần khẳng định chất lượng đào tạo của Khoa, của Trường ngay từ những năm đầu đào tạo giáo viên trình độ đại học.

Thứ hai, chương trình đào tạo (CTĐT) GVTH khoá đầu tiên có sự tham gia xây dựng của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo hướng hiện đại, khác với CTĐT của nhiều trường sư phạm ở cùng thời điểm (kể cả chương trình của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đang thực hiện lúc đó). Đến năm

^(*) Trường Đại học Đồng Tháp.

2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình khung đào tạo GVTH trình độ đại học, khoa GDTH-MN của Trường đã dựa vào chương trình khung này để phát triển CTĐT GVTH trình độ đại học khá hoàn thiện, được Hiệu trưởng Nhà trường kí quyết định ban hành cho phép thực hiện. Từ năm 2008, Trường Đại học Đồng Tháp chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, CTĐT GVTH của Trường cũng được bổ sung, điều chỉnh và phát triển phù hợp với hình thức đào tạo mới. Ngoài các môn học bắt buộc, các môn học tự chọn được bổ sung, xây dựng theo từng nhóm (nhóm các môn học thuộc khoa học về ngôn ngữ tiếng Việt và phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học; nhóm các môn học về Toán học và phương pháp dạy học Toán; nhóm các môn học về khoa học tự nhiên - xã hội và phương pháp dạy học; nhóm các môn học cơ sở ngành...) giúp cho việc tổ chức thực hiện chương trình mềm dẻo và phù hợp với sở thích và năng lực của SV.

Thứ ba, các khoá tuyển sinh đào tạo GVTH được đào tạo khá tốt về tin học. Đặc biệt, môn học Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học được đưa vào chương trình học bắt buộc đã mang đến những thay đổi căn bản trong cấu trúc kĩ năng sư phạm của người GVTH. Đó là SV có kĩ năng tốt thiết kế bài giảng các phân môn hoặc môn dạy ở tiểu học có sự hỗ trợ tích cực của các phần mềm dạy học như Powerpoint, Violet... Ví dụ, sau khi tốt nghiệp, SV ngành Giáo dục Tiểu học có thể trở thành những giáo viên hạt nhân, ở các trường tiểu học trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học.

Thứ tư, chú trọng hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho SV theo hình thức mỗi lớp SV kết nghĩa với một lớp học sinh tiểu học và mỗi tuần SV có một buổi hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên tại trường tiểu học (từ học kì 2 đến hết học kì 7 của các khoá đào tạo tuyển sinh năm 2003, 2004, 2005, 2006) đã tạo điều kiện cho SV tăng cường năng lực nghề nghiệp. SV có nhiều cơ hội tham gia các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh ở trường tiểu học. Ngoài việc dự giờ của giáo viên và tập dạy, SV còn được tập làm công tác chủ nhiệm lớp, tìm hiểu thực tiễn giáo dục của nhà trường, tìm hiểu về đời sống văn

hoá ở địa phương nơi trường tiểu học tọa lạc, tham gia vào các hoạt động hướng dẫn tổ chức cho học sinh tiểu học biểu diễn văn nghệ, các hoạt động vui chơi, các hoạt động thể thao, các cuộc thi do em tìm hiểu kiến thức, các hoạt động ngoại khoá khác... Vì thế, ở học kì cuối khoá (học kì 8) khi đi thực tập nghề (thực tập tốt nghiệp), SV không có những ngỡ ngàng lần đầu xuống trường mà kĩ năng giảng dạy và giáo dục của SV nói riêng, năng lực nghề nghiệp của SV nói chung nhanh chóng được hoàn thiện và phát triển trong quá trình thực tập tốt nghiệp.

Tuy nhiên, hoạt động đào tạo GVTH trình độ đại học của Nhà trường giai đoạn qua cũng còn những hạn chế cần được tiếp tục rà soát bổ sung để phát triển.

Thứ nhất, đó là hạn chế trong phát triển CTĐT. Cho dù đã nhiều lần điều chỉnh, phát triển, hoàn thiện nhưng nhìn chung, CTĐT GVTH trình độ đại học của Trường vẫn còn thiên về lý thuyết, ít chú trọng thực hành rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Tỷ lệ môn học thực hành, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV so với các môn học lý thuyết cung cấp kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành còn quá chênh lệch.

Xem xét CTĐT GVTH trình độ đại học xây dựng năm 2006 (dựa theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tối thiểu là 210 đơn vị học trình (ĐVHT)) chúng tôi chỉ thấy có 20/214 ĐVHT (chiếm 9,2% tổng số ĐVHT của CTĐT) dành cho việc đào tạo kỹ năng nghề nghiệp. Trong đó, học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 05 ĐVHT; học phần thực tập sư phạm 1 (còn gọi là kiến tập tập trung) 05 ĐVHT thực hiện ở học kỳ 6; học phần thực tập sư phạm 2 (thực tập tốt nghiệp) 10 ĐVHT (thực hiện 10 tuần ở trường tiểu học trong học kỳ cuối khoá (học kỳ 8)).

Các CTĐT khác được xây dựng và phát triển qua các năm theo hình thức đào tạo tín chỉ từ năm 2008 - 2009 cũng chưa dành nhiều thời gian cho SV được đào tạo về kỹ năng nghề nghiệp.

Bảng thống kê số tín chỉ trong các khối kiến thức của CTĐT phát triển qua các năm (từ 2008 đến 2016) [3] dưới đây cho chúng ta cái nhìn đầy đủ hơn về tỷ lệ khối lượng kiến thức đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho SV khá ít.

Bảng 1. Thống kê số tín chỉ trong các khối kiến thức của CTĐT từ 2008 - 2016

Năm phát triển CTĐT	Tổng số tín chỉ chương trình	Tổng số tín chỉ khối kiến thức giáo dục đại cương	Khối kiến thức cơ sở ngành và ngành				Khối kiến thức thực hành nghề nghiệp				Số tín chỉ khóa luận tốt nghiệp hoặc môn thay thế
			Số tín chỉ kiến thức cơ sở ngành	Số tín chỉ kiến thức ngành bắt buộc	Số tín chỉ kiến thức ngành tự chọn	Số tín chỉ kiến thức bổ trợ	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ RLNVSP thường xuyên	Số tín chỉ kiến tập sư phạm tập trung	Số tín chỉ thực tập tốt nghiệp	
2008-2009	140	28	08	61	17	06	10 10%	06	00	04	10
2010	140	32	04	47	20	06	14 10%	06	00	08	07
2011	140	32	06	47	28	06	14 10%	06	00	08	07
2013	140	37	04	76	12	00	14 10%	06	00	08	07
2015	140	36	04	63	16	00	16 11,42%	06	02	08	05
2016 ^(*)	120	24	04	55	16	00	16 13,33%	06	02	08	05

(*) Rút gọn của chương trình phát triển năm 2015

Chương trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV từ năm 2008 - 2009 đến năm 2013 chỉ có 14/140 tín chỉ (chiếm 10%) của tổng CTĐT. CTĐT phát triển cho khóa tuyển sinh năm 2015 có 16/140 tín chỉ (có 02 tín chỉ được bổ sung cho hoạt động kiến tập sư phạm tập trung) nhưng cũng chỉ chiếm 11,42% tổng số tín chỉ của CTĐT. Từ năm 2016, thực hiện CTĐT tối thiểu cho một khóa đào tạo còn tổng 120 tín chỉ, số tín chỉ dành cho đào tạo kỹ năng nghề nghiệp của SV tuy vẫn được giữ nguyên 16/120 tín chỉ cũng chỉ chiếm 13,33% tổng số tín chỉ của CTĐT.

Thứ hai, việc tổ chức thực hiện CTĐT tạo kỹ năng nghề nghiệp cho SV còn chưa hợp lý. Trong các năm qua, các môn học liên quan đến lí luận dạy học và phương pháp dạy học bộ môn đều được sắp xếp học tập trung vào năm thứ ba (chỉ có một số học phần môn học được học từ năm thứ hai như học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt A; Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học A...). Do đó, theo logic đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho SV thì SV phải được tiếp cận với thực tiễn giáo dục phổ thông càng sớm (từ học kỳ 2 năm thứ nhất) càng hiệu quả. Nhưng do chưa được học các môn học về lí luận dạy học và phương pháp dạy học bộ môn nên SV rất lúng túng khi xuống thực tế. Đặc

biệt, khi chuyển đổi sang đào tạo theo hình thức tín chỉ, có vài năm, do SV đăng kí môn học khác nhau nên không thể cùng xuống trường tiểu học để rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, dẫn đến tình trạng SV năm thứ 4 trước khi đi thực tập tốt nghiệp nhưng vẫn chưa có một khái niệm rõ ràng về nhà trường tiểu học và các hoạt động giảng dạy và giáo dục của nhà trường, của GVTH. SV ít gắn bó và ít được tham gia các hoạt động của trường tiểu học. Vì thế, vẫn còn một khoảng cách giữa hoạt động đào tạo GVTH của Trường và thực tiễn giáo dục tiểu học các địa phương.

Thứ ba, việc tổ chức kiểm tra các kỹ năng công cụ và kỹ năng nghề của SV khoa Tiểu học - Mầm non chỉ đến học kỳ 7 của năm cuối khóa mới thực hiện trước khi SV đi thực tập ở học kỳ 8 xem chừng không giúp ích gì cho việc bổ sung, rèn luyện lại các kỹ năng chưa đạt của SV.

Thứ tư, việc chưa có một trường thực hành sư phạm trực thuộc trường đại học (trước đây đã có nhưng vướng về cơ chế quản lý và đầu tư cho trường thực hành nên Nhà trường đã trả cho ngành giáo dục thành phố Cao Lãnh quản lý) đã dẫn đến nhiều hoạt động thực hành rèn luyện nghiệp vụ của SV khoa GDTH-MN không chủ động được nên làm hạn chế nhiều đến kết quả đào

tạo GVTH, chất lượng đào tạo thấp, một số SV ra trường chưa đáp ứng được các yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp GVTH.

Thứ năm, nhiều kỹ năng mềm của SV cũng chưa được quan tâm đúng mức trong đào tạo nên SV tốt nghiệp còn yếu về kỹ năng giao tiếp ứng xử, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng hợp tác... với học sinh, với đồng nghiệp và với cha mẹ học sinh. SV chưa thực sự được đào tạo thành “nhà giáo dục” như thực tiễn giáo dục đòi hỏi ở họ mà chủ yếu được đào tạo thành *người truyền thụ kiến thức* cho học sinh...

Những hạn chế trên có những nguyên nhân cơ bản sau.

Một là, về xây dựng CTĐT, chúng ta chưa xem trọng việc xác định chuẩn đầu ra và việc xây dựng chuẩn đầu ra cũng như phát triển thường xuyên CTĐT và xây dựng đề cương chi tiết môn học. Sự hiểu biết của giảng viên về những công việc này còn có hạn chế và họ cũng chưa được tập huấn đầy đủ về cách xây dựng chuẩn đầu ra cũng như xây dựng đề cương chi tiết môn học. Hiện tại, hầu hết các chương trình môn học đào tạo GVTH của khoa GDTH-MN đã công bố cho SV vẫn còn chung chung và phần nhiều chỉ dừng ở việc xác định các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ, chưa quan tâm đến các mục tiêu phát triển khác đối với giáo viên.

Hai là, việc tổ chức thực hiện CTĐT cũng như đổi mới hình thức và phương pháp đào tạo, phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo hạn chế do chính bản thân đội ngũ giảng viên của Khoa và Trường. Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo GVTH của Khoa và Trường những năm gần đây tuy có được nâng cao dần về trình độ, học vị và được trẻ hoá thiếu kinh nghiệm đào tạo GVTH, chưa tiếp cận nhiều với thực tiễn dạy và học ở tiểu học.

Ba là, cơ sở vật chất phục vụ dạy học còn thiếu nhiều hoặc đã bắt đầu xuống cấp; hệ thống giáo trình, tài liệu học tập tham khảo phần nhiều đã cũ chưa được cập nhật chưa đáp ứng yêu cầu đào tạo. Trong khi đó, giảng viên của Khoa và Trường chưa xuất bản nhiều giáo trình, bài giảng phục vụ đào tạo GVTH.

Bốn là, việc hợp tác liên kết giữa khoa GDTH-MN của Trường với các khoa có đào tạo GVTH của các đại học khác để trao đổi giảng viên, biên

soạn giáo trình đào tạo GVTH, tổ chức cho giảng viên tham gia học tập, bồi dưỡng ngắn hạn cũng còn những hạn chế do cơ chế và nguồn kinh phí có hạn...

3. Giải pháp đào tạo GVTH đáp ứng yêu cầu của giáo dục phổ thông sau năm 2018

Muốn nâng cao chất lượng đào tạo GVTH theo hướng tiếp cận với năng lực nhằm triển khai hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông mới cấp tiểu học, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục thì khoa GDTH-MN và Nhà trường cần phải thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để đổi mới hoạt động đào tạo GVTH.

Thứ nhất, khoa GDTH-MN cần phát triển và hoàn thiện CTĐT GVTH được xây dựng trên cơ sở xác định rõ chuẩn đầu ra và chuẩn nghề nghiệp GVTH, phải căn cứ vào mục tiêu đào tạo GVTH cho giai đoạn mới là “đào tạo chuyên gia giáo dục thuộc lĩnh vực chuyên môn, có học vấn nền tảng rộng và sâu, thành thạo nghiệp vụ, có năng lực giảng dạy tích hợp và tổ chức các hoạt động giáo dục, năng lực phát triển chương trình và đánh giá, có phẩm chất tốt...”[4].

Để làm tốt việc này, các tổ bộ môn thuộc Khoa cần phải rà soát CTĐT hiện hành, lược bỏ những môn học không phù hợp, xây dựng phát triển các môn học mới theo hướng tích hợp tiếp cận với việc đổi mới chương trình và sách giáo khoa tiểu học sau năm 2018. Ví dụ, có thể tách riêng hai môn học bắt buộc “Giải toán tiểu học” và “Giải toán tiểu học nâng cao”, mỗi môn 02 tín chỉ hay nên tích hợp lại và giảm bớt số tín chỉ học. Hoặc có thể tách môn học “Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội nâng cao” (là môn học bắt buộc 02 tín chỉ) hay có thể tích hợp vào hai môn học “Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội” (A, B, mỗi môn 02 tín chỉ). Hoặc tách các môn học về Ngữ âm và dạy học ngữ âm ở tiểu học, Từ vựng và dạy học từ vựng - ngữ nghĩa ở tiểu học, Ngữ pháp và dạy học ngữ pháp ở tiểu học, Ngữ dụng học và việc dạy học phong cách ở tiểu học... đưa vào nhóm các môn học tự chọn có thể phù hợp với quan điểm dạy học ở các cấp học khác và phù hợp với người dạy nhưng lại không phù hợp với quan điểm dạy học tích hợp và yêu cầu trang bị kiến thức tổng hợp, cơ bản để SV khi ra trường dạy tốt môn Tiếng Việt ở tiểu học. Đồng thời, khi phát triển CTĐT cũng cần quan tâm tăng

cường các môn học thực hành nghề nghiệp và đào tạo kỹ năng nghề phải đảm bảo tối thiểu từ 25% đến 30% tổng số tín chỉ của CTĐT.

Thứ hai, cần bồi dưỡng, nâng cao năng lực và phẩm chất, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo GVTH: năng lực phát triển chương trình giáo dục; năng lực tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập của SV; năng lực hợp tác nghiên cứu và giảng dạy; năng lực tự học, tự bồi dưỡng về tri thức và kỹ năng nghề nghiệp (trong đó giảng viên phải hiểu kỹ và sâu đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư 30/2014 và được điều chỉnh bổ sung sửa đổi bằng Thông tư 22/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo); năng lực ngôn ngữ và giao tiếp (kể cả năng lực ngoại ngữ phải đạt chuẩn quy định có thể dạy một số môn học chuyên ngành của CTĐT GVTH trình độ đại học bằng tiếng Anh); năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) vào dạy học...

Thứ ba, để gắn kết giữa lý luận nhà trường với thực tiễn và tăng cường kinh nghiệm cho giảng viên, Nhà trường cần ban hành các quy định bắt buộc, hằng năm mỗi giảng viên phải tham gia các hoạt động thực tiễn dạy học tại các trường tiểu học từ hai đến ba tuần (như kinh nghiệm của các trường đại học đào tạo giáo viên ở các nước tiên tiến) để tiếp thu kinh nghiệm giáo dục từ thực tiễn.

Thứ tư, Nhà trường phải tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện các phòng học bộ môn dành cho SV ngành Giáo dục Tiểu học thực hành rèn luyện kỹ

năng nghề nghiệp; đầu tư xây dựng cơ sở thực hành hoặc lựa chọn các trường tiểu học vệ tinh có đủ điều kiện làm cơ sở thực hành để đào tạo GVTH theo quy định tại Thông tư số 16/TT-BGDĐT ngày 16/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. SV của ngành Giáo dục Tiểu học cần đến các trường tiểu học hàng tuần (ít nhất là một buổi/tuần) và nên bắt đầu ngay từ học kỳ 2 năm thứ nhất (như trước đây đã từng có lúc thực hiện rất hiệu quả) để tìm hiểu thực tiễn giáo dục tiểu học và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

3. Kết luận

Tổ chức tốt hoạt động đào tạo GVTH trước yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay chính là tiếp tục phát huy thành tích, phát huy truyền thống đào tạo GVTH của Nhà trường 15 năm qua. Vì thế, việc thực hiện những giải pháp mang tính chiến lược trong đào tạo GVTH cần được Khoa và Nhà trường quan tâm hơn. Trước mắt, cần tập trung xây dựng, hoàn thiện CTĐT phù hợp với mục tiêu của giáo dục tiểu học giai đoạn sau năm 2018 và có chiến lược bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giảng viên hợp lý. Đồng thời, sự hợp tác mang tính chiến lược của Khoa, Trường với các trường đào tạo GVTH trong nước cũng như với các trường đại học ở các nước tiên tiến là những giải pháp mấu chốt giúp cho ngành đào tạo GVTH của Trường tiếp tục phát triển và thực hiện thành công sứ mệnh của mình góp phần đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo theo tinh thần Nghị quyết 29 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*.
- [2]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2017), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
- [3]. Chương trình đào tạo GVTH trình độ đại học (phát triển các năm 2008 -2009, 2010, 2011, 2013, 2015, 2016) - Khoa Tiểu học - Mầm non Trường Đại học Đồng Tháp.
- [4]. Phạm Hồng Quang (2015), "Đổi mới CTĐT phải bắt đầu từ nâng cao năng lực giảng viên sư phạm", *Tạp chí Giáo dục*, số 366, kì 2 (9/2015).

DONGTHAP UNIVERSITY CONTINUING WITH THE EFFECTIVE TRAINING OF ELEMENTARY SCHOOL TEACHERS TO MEET INNOVATION REQUIREMENTS AT GENERAL EDUCATION

Summary

Dong Thap University's elementary school teachers training over the past 15 years has contributed to developing the teaching staffs in the Mekong Delta and other provinces. From the relevant achievements, limitations and causes, the article proposes some solutions to promoting the effectiveness of primary teachers training in order to meet innovation requirements of post-2018 general education.

Keywords: Major, elementary school teacher, training program, education.

Ngày nhận bài: 28/9/2017; Ngày nhận lại: 29/10/2017; Ngày duyệt đăng: 15/11/2017.